

## ÔN TẬP HỌC KÌ II (Tiết 1)

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Yêu cầu cần đạt

- Hệ thống hoá, khái quát hoá các kiến thức về phân số, tính toán với phân số, số thập phân, hai bài toán về phân số, tỉ số phần trăm.
- Vận dụng các kiến thức về phân số, số thập phân, các phép tính về phân số, số thập phân, hai bài toán về phân số, tỉ số phần trăm để tính toán, giải bài toán có nội dung thực tiễn.

#### 2. Phát triển năng lực

- Năng lực tự chủ: Chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tự tin trình bày được kết quả thảo luận của nhóm, chia sẻ giúp đỡ bạn thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Vận dụng các kiến thức để thực hiện đổi phân số ra hỗn số và ngược lại, thực hiện các phép tính theo đúng quy tắc.
- Năng lực mô hình hóa toán học: Giải được bài toán có nội dung thực tiễn.

#### 3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Chú ý lắng nghe, tích cực làm bài tập.
- Trung thực: Báo cáo kết quả hoạt động nhóm chính xác, trung thực.
- Trách nhiệm: Chủ động, tích cực khi tham gia hoạt động nhóm, thực thực hiện nhiệm vụ được giao.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của GV: Máy chiếu, máy tính. bút dạ.

2. Chuẩn bị của HS: Bộ đồ dùng học tập, bảng nhóm.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### Hoạt động 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN (13 phút)

a) **Mục tiêu:** Kiểm tra, hệ thống hoá kiến thức về phân số, số thập phân.

b) **Nội dung:** Bản đồ tư duy tóm tắt kiến thức cơ bản Chương VI, VII.

c) **Sản phẩm:** Bản đồ tư duy hệ thống kiến thức.

– Phân số: Khái niệm, tính chất, quy đồng, rút gọn; tính toán với phân số: Cộng, trừ, nhân, chia phân số; hai bài toán về phân số.

– Số thập phân: Số thập phân âm; so sánh số thập phân; tính toán với số thập phân: Cộng, trừ, nhân, chia số thập phân; tỉ số, tỉ số phần trăm: Hai bài toán về tỉ số phần trăm.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Cho HS trình bày bản đồ tư duy phần chuẩn bị cá nhân, những kiến thức cơ bản (GV có thể chụp ảnh, chiếu trên máy chiếu cho cả lớp quan sát). Góp ý bổ sung cho HS.	HS trình bày, HS lớp bổ sung ý kiến.
GV chiếu bản đồ tư duy có sử dụng hiệu ứng của Powerpoint để trình chiếu (chi tiết).	HS quan sát, ghi chép.

### Hoạt động 2: LUYỆN TẬP (22 phút)

a) **Mục tiêu:**

– Vận dụng định nghĩa phân số để chỉ ra trong các cách viết, cách viết nào là phân số.

– Thực hiện phép tính cộng trừ, nhân chia phân số, số thập phân; tính giá trị của biểu thức; tìm được x thoả mãn điều kiện cho trước.

b) **Nội dung:**

– HS hoạt động cá nhân làm Bài 1.

– Bài 2:

– HS hoạt động theo nhóm làm Bài 3:

Tìm x biết:

a)  $\frac{5}{8} - x = \frac{1}{2}$ ;    b)  $x : 1\frac{2}{7} = -3,5$ ;    c)  $0,4 \cdot x - \frac{1}{5}x = \frac{3}{4}$ .

c) Sản phẩm:

– Bài 1:

1. Các phân số:  $\frac{-3}{5}; \frac{4}{-7}; \frac{15}{-8}; \frac{7}{3}$ .

2. Các hỗn số:  $\frac{43}{7} = 6\frac{1}{7}; \frac{59}{15} = 3\frac{14}{15}$ .

3. Các số thập phân:  $4\frac{3}{4} = \frac{19}{4}; 10\frac{8}{9} = \frac{98}{9}$ .

– Bài 2:

1. a)  $\frac{-4}{3} + \frac{2}{5} = \frac{(-4).5}{3.5} + \frac{2.3}{3.5} = \frac{(-20)+6}{15} = \frac{-14}{15}$ ;

b)  $\frac{-15}{8} : \frac{3}{4} = \frac{-15}{8} \cdot \frac{4}{3} = \frac{(-15).4}{8.3} = \frac{-5}{2}$ ;

c)  $34,25 - 78,43 = 34,25 + (-78,43) = -(78,43 - 34,25) = -44,18$ ;

d)  $(-3,25).(-0,21) = 3,25.0,21 = 0,6825$ .

2. a)  $A = \frac{2}{5} \cdot \frac{3}{7} - \frac{10}{7} + \frac{3}{7} \cdot \frac{3}{5} = \frac{2}{5} \cdot \frac{3}{7} + \frac{3}{7} \cdot \frac{3}{5} - \frac{10}{7} = \frac{3}{7} \cdot \left(\frac{2}{5} + \frac{3}{5}\right) - \frac{10}{7} = \frac{3}{7} \cdot 1 - \frac{10}{7} = \frac{-7}{7} = -1$ ;

b) Thay  $x = -1,26$  vào biểu thức  $(x + 13,67).(-10) + 136,7$  ta được:

$$\begin{aligned} & (-1,26 + 13,67).(-10) + 136,7 = (-1,26).(-10) + 13,67.(-10) + 136,7 \\ & = 12,6 + (-136,7) + 136,7 = 12,6 + [(-136,7) + 136,7] = 12,6. \end{aligned}$$

– Bài 3:

a)  $\frac{5}{8} - x = \frac{1}{2}$

$$x = \frac{5}{8} - \frac{1}{2}$$

$$x = \frac{5}{8} - \frac{1.4}{2.4}$$

$$x = \frac{5-4}{8}$$

$$x = \frac{1}{8}$$

b)  $x : 1\frac{2}{7} = -3,5$

$$x : \frac{9}{7} = \frac{-7}{2}$$

$$x = \frac{-7}{2} \cdot \frac{9}{7}$$

$$x = \frac{-9}{2}$$

c)  $0,4x - \frac{1}{5}x = \frac{3}{4}$

$$\frac{2}{5}x - \frac{1}{5}x = \frac{3}{4}$$

$$\left(\frac{2}{5} - \frac{1}{5}\right) \cdot x = \frac{3}{4}$$

$$\frac{1}{5}x = \frac{3}{4}$$

$$x = \frac{3}{4} : \frac{1}{5}$$

$$x = \frac{3}{4} \cdot \frac{5}{1}$$

$$x = \frac{15}{4}$$

**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>– GV chiếu, yêu cầu HS đọc yêu cầu bài tập 1 và hoạt động cá nhân để làm bài. Gọi 1 HS đứng tại chỗ trả lời ý a). GV nhận xét, đánh giá. Gọi 2 HS lên làm ý b) và c) (mỗi HS 1 ý). GV và HS nhận xét, đánh giá. GV chốt.</p>	<p>HS đọc và suy nghĩ làm bài.  HS trả lời. HS lắng nghe. HS lên làm bài. HS nhận xét, đánh giá. HS lắng nghe.</p>
<p>– Chiếu bài tập 2, cho HS hoạt động cá nhân làm ý 1. Gọi 4 HS lên bảng trình bày bài làm (mỗi HS 1 ý). GV và HS nhận xét, đánh giá. Với ý 2 câu a), GV gợi ý: Vận dụng tính chất gì để việc thực hiện phép tính được nhanh nhất? Với ý 2 câu b), GV gợi ý: Muốn tính giá trị của biểu thức tại <math>x = -1,26</math> em làm như thế nào? GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi làm bài. Mời đại diện 1 cặp lên trình bày. GV và HS nhận xét, đánh giá. GV chốt.</p>	<p>HS hoạt động cá nhân làm bài. HS lên làm bài. HS nhận xét, đánh giá. HS trả lời.  HS làm bài theo cặp đôi. HS lên làm bài. HS nhận xét, đánh giá. HS lắng nghe.</p>
<p>– Chiếu bài tập 3 và hướng dẫn HS làm ý a). Với ý b) và c), GV lưu ý HS có thể đổi các hỗn số, số thập phân, phân số cùng đồng nhất về phân số, hay số thập phân để việc tính toán tìm x được dễ dàng hơn. GV yêu cầu HS hoạt động nhóm trong 4 phút làm bài (N1, 2, 3 ý b); N4), 5, 6.. ý c), các nhóm làm lên bảng nhóm, sau 4 phút cử đại diện nhóm báo cáo kết quả. GV và HS nhận xét, đánh giá. GV chốt và lưu ý HS sai lầm thường mắc: Khi làm bài tập tìm x các em không chú ý đến các tính chất có thể áp dụng, do vậy các em tính toán quy đồng đưa đến những biểu thức phức tạp, dẫn đến tính và tìm sai giá trị của x; ví dụ ở ý c) có em quy đồng mẫu chung là 20, sau đó tính toán nhầm dấu hoặc khi tính ra kết quả lại quên không rút gọn phân số.</p>	<p>HS làm bài theo hướng dẫn. HS lắng nghe  HS làm bài theo nhóm và báo cáo kết quả hoạt động của nhóm.  HS nhận xét, đánh giá. HS lắng nghe và ghi nhớ.</p>

### Hoạt động 3: VẬN DỤNG (8 phút)

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức hai bài toán về phân số, kiến thức về tỉ số phần trăm để giải bài toán có nội dung thực tiễn.

b) **Nội dung:** Bài 4. Bốn thửa ruộng thu hoạch được tất cả 10,5 tấn thóc. Số thóc thu được ở ba thửa ruộng đầu lần lượt bằng 0,2; 15% và  $\frac{2}{7}$  tổng số thóc thu được ở cả bốn thửa. Tính số thóc thu được ở thửa ruộng thứ tư.

c) **Sản phẩm:** Ta có  $0,2 = \frac{2}{10} = \frac{1}{5}$ ;  $15\% = \frac{15}{100} = \frac{3}{20}$ .

Số thóc thu được ở thửa ruộng thứ tư bằng  $1 - \left( \frac{1}{5} + \frac{3}{20} + \frac{2}{7} \right) = 1 - \frac{89}{140} = \frac{51}{140}$  (tổng số thóc thu được của cả bốn thửa ruộng).

Số thóc thu được ở thửa ruộng thứ tư là:  $10,5 \cdot \frac{51}{140} = 3,825$  (tấn).

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Chiếu bài 4, yêu cầu HS đọc và phân tích yêu cầu của bài. GV gợi ý HS.	HS đọc và phân tích yêu cầu của bài.
Số thóc thu được ở thửa ruộng thứ tư bằng bao nhiêu phần tổng số thóc thu được ở cả bốn thửa ruộng? Muốn tìm m/n của 10,5 ta làm thế nào?	HS trả lời.
GV gọi 1 HS lên trình bày bài làm.	HS làm bài.
GV nhận xét và chốt.	HS lắng nghe và ghi nhớ.

### HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

- Ôn lại kiến thức Chương VIII, IX, tóm tắt kiến thức theo bản đồ tư duy vào vở.
- Làm các Bài tập 11, 13 (SGK tr.109); Bài tập 9.49; 9.51; 9.55 (SBT tr.90, 91, 92).

## ÔN TẬP HỌC KÌ II (Tiết 2)

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Yêu cầu cần đạt

- Hệ thống hoá, khái quát hoá các kiến thức về điểm, đường thẳng, đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, góc, số đo góc, thống kê, biểu đồ cột, biểu đồ cột kép, xác suất thực nghiệm.
- Vận dụng các kiến thức về trung điểm đoạn thẳng, số đo góc, xác suất thực nghiệm, biểu đồ cột, biểu đồ cột kép để đo, vẽ, tính toán, giải bài toán có nội dung thực tiễn.

#### 2. Phát triển năng lực

- Năng lực tự chủ và tự học: Chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp.
- Năng lực giải quyết vấn đề toán học: Vận dụng các kiến thức để tính được độ dài đoạn thẳng, tính xác suất thực nghiệm của sự kiện trong trò chơi, thí nghiệm, giải quyết bài toán có nội dung thực tiễn.
- Năng lực tư duy và lập luận toán học: Phân tích dữ liệu từ biểu đồ cột kép.
- Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán: Sử dụng thước thẳng, thước đo góc để vẽ hình và đo số đo các góc trên hình vẽ.

#### 3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Chú ý lắng nghe, tích cực làm bài tập.
- Trách nhiệm: Học sinh chủ động tự giác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

### II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Chuẩn bị của GV:** Máy chiếu, máy tính, bút dạ, thước, compa, ê ke, bảng phụ kẻ sẵn 1 tam giác bất kì.

2. **Chuẩn bị của HS:** Bộ đồ dùng học tập, bảng nhóm.

### III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

#### Hoạt động 1: ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN (13 phút)

a) **Mục tiêu:** Kiểm tra, hệ thống hoá kiến thức về những hình học cơ bản, dữ liệu và xác suất thực nghiệm.

b) **Nội dung:** Bản đồ tư duy tóm tắt kiến thức cơ bản Chương VIII, IX.

c) **Sản phẩm:** Bản đồ tư duy hệ thống kiến thức:

- Những khái niệm hình học cơ bản: Điểm, đường thẳng, tia, đoạn thẳng, góc, số đo góc.
- Dữ liệu và xác suất thực nghiệm: Thống kê (dữ liệu, thu thập dữ liệu, bảng thống kê, biểu đồ tranh, biểu đồ cột, biểu đồ cột kép); xác suất (kết quả có thể, sự kiện, xác suất thực nghiệm).

**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Cho HS trình bày bản đồ tư duy phần chuẩn bị cá nhân, những kiến thức cơ bản (GV có thể chụp ảnh, chiếu trên máy chiếu cho cả lớp quan sát). Góp ý bổ sung cho HS.	HS trình bày, HS dưới lớp bổ sung ý kiến.
GV chiếu bản đồ tư duy có sử dụng hiệu ứng của Powerpoint để trình chiếu (chi tiết).	HS quan sát, ghi chép.

**Hoạt động 2: LUYỆN TẬP (22 phút)**

**a) Mục tiêu:**

- Vẽ được tam giác và đo số đo các góc của tam giác đó.
- Vận dụng kiến thức điểm nằm giữa hai điểm, trung điểm của đoạn thẳng để tính được độ dài đoạn thẳng.
- Tính được xác suất thực nghiệm của sự kiện; vẽ biểu đồ cột biểu diễn dữ liệu.

**b) Nội dung:**

- Bài tập 13 (SGK tr.109).
- Bài 1: Cho điểm C nằm giữa hai điểm A và B, I là trung điểm của đoạn BC. Tính độ dài đoạn thẳng AB, biết AC = 5 cm, CI = 7 cm.
- Bài tập 9.55 (SBT tr.92).

**c) Sản phẩm:**

- HS hoạt động cá nhân hoàn thành Bài tập 13 (SGK tr.109).
- Bài 1:

Vì I là trung điểm của BC nên:

$$CI = \frac{BC}{2};$$

$$BC = 2.CI = 2.7 = 14 \text{ (cm)}.$$

C nằm giữa A và B, ta có:

$$AB = AC + CB = 5 + 14 = 19 \text{ (cm)}.$$



– Bài tập 9.55:

a) Xác suất thực nghiệm của sự kiện Hà thắng:  $\frac{17}{30}$ .

Xác suất thực nghiệm của sự kiện Hoà thắng:  $\frac{13}{30}$ .

b) HS hoàn thành vẽ biểu đồ cột.

**d) Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
<p>– Chiếu yêu cầu Bài tập 13 (SGK tr.109), yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm bài; GV treo bảng phụ đã vẽ sẵn 1 tam giác và gọi 1 HS lên làm bài.</p> <p>GV và HS nhận xét, đánh giá (các HS khác đổi bài, kiểm tra chéo).</p> <p>GV chốt và lưu ý HS sai lầm thường mắc: Khi đo góc các em đặt thước không đúng, bị lệch thì kết quả đo sẽ không chính xác.</p>	<p>HS hoạt động cá nhân làm bài</p> <p>HS nhận xét, đánh giá.</p> <p>HS lắng nghe và ghi nhớ.</p>
<p>– Chiếu Bài tập 1, yêu cầu HS đọc và phân tích yêu cầu của bài.</p> <p>I là trung điểm của BC, độ dài đoạn IC và BC có mối quan hệ với nhau như thế nào?</p> <p>GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm bài, gọi 1 HS lên bảng trình bày.</p> <p>GV và HS nhận xét, đánh giá.</p> <p>GV chốt.</p>	<p>HS đọc và phân tích.</p> <p>HS trả lời.</p> <p>HS làm bài.</p> <p>HS nhận xét, đánh giá.</p> <p>HS lắng nghe và ghi nhớ.</p>
<p>– GV yêu cầu HS phân tích yêu cầu Bài tập 9.55.</p> <p>Xác suất thực nghiệm của sự kiện Hà thắng được tính như thế nào?</p> <p>Yêu cầu HS hoạt động nhóm trong 6p để làm bài (các nhóm làm trên bảng nhóm), sau đó treo bảng nhóm và cử đại diện nhóm trình bày.</p> <p>GV và HS nhận xét, đánh giá.</p> <p>GV chốt và lưu ý HS sai lầm thường mắc: Khi vẽ biểu đồ cột, một số em vẽ nhưng lại quên không chú thích các thông tin cần thiết.</p>	<p>HS phân tích yêu cầu của bài.</p> <p>HS trả lời.</p> <p>HS hoạt động nhóm làm bài.</p> <p>HS nhận xét, đánh giá.</p> <p>HS lắng nghe và ghi nhớ.</p>



### Hoạt động 3: VẬN DỤNG (8 phút)

a) **Mục tiêu:** HS phân tích được dữ liệu từ biểu đồ cột kép.

b) **Nội dung:** HS thực hiện Bài tập 9.49 (SBT tr.90).

c) **Sản phẩm:** Bài tập 9.49:

a) Tính đến ngày 20/5/2020, ở Việt Nam số ca mắc Covid 19 là 324 và số ca khỏi là 263.

b) Tính đến ngày 20/5/2020 số ca mắc Covid-19 của Singapore là cao nhất với 28794 người.

c) Tỷ lệ khỏi bệnh của Việt Nam, Singapore, Malaysia, Indonesia, Philippines, Thái Lan tương ứng là 81,2%, 36,0%, 80,9%, 24,2%, 22,0%, 94,2%; sắp xếp theo thứ tự giảm dần về tỷ lệ khỏi bệnh là Thái Lan, Việt Nam, Malaysia, Singapore, Indonesia, Philippines.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Chiếu Bài tập 9.49 (SBT), yêu cầu HS phân tích yêu cầu của bài.	HS đọc và phân tích yêu cầu của bài.
Với ý c), GV gợi ý: Tỷ lệ người khỏi bệnh trong tổng số người mắc bệnh Covid-19 của mỗi nước được tính như thế nào?	HS trả lời.
GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi (trong 5p) hoàn thành bài.	HS thực hiện làm bài theo cặp đôi.
Gọi đại diện một số cặp báo cáo kết quả.	HS báo cáo kết quả thảo luận.
GV và HS nhận xét, đánh giá.	HS nhận xét, đánh giá.
GV chốt.	HS lắng nghe và ghi nhớ.

### HƯỚNG DẪN TỰ HỌC Ở NHÀ (2 phút)

– Ôn lại kiến thức đã học trong các Chương VI, VII, VIII, IX.

– Xem lại các dạng bài tập đã chữa.

– Làm các Bài tập 6.54 (SBT tr.22); 7.38 (SBT tr.38); 8.57 (SBT tr.60); 9.53 (SBT tr.92).